

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/DS-ST

Ngày: 11-5-2021.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Đào;

2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:* Bà Thị Xà Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 11/5/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2020 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXX-ST ngày 07 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: số 40-42-44 Ph, phường V, thành phố R, tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Tuấn A là: Ông Lâm Văn T - sinh năm 1980, Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch G.

Người đại diện theo ủy quyền lại là: Ông Nguyễn Thành N - sinh năm 1967, Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch G - Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: Khu phố Ph, thị trấn G, huyện G, tỉnh K.

2. Bị đơn: Ông Lê Hồng T - sinh năm 1959 (có mặt) và bà Mai Thị Nh - sinh năm 1966 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh K.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lương Thị O - sinh năm 1974 (vắng mặt nhưng ủy quyền cho bà Lê Thị H theo văn bản ngày 09/4/2021).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị O là: Bà Lê Thị H - sinh năm 1956 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã V1, huyện G, tỉnh K.

Ông Lê Văn Gi - sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 9, xã V Bắc, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần K và người đại diện theo ủy quyền lại ông Nguyễn Thành Năm trình bày: Vào ngày 21/6/2011 ông Lê Hồng T và bà Mai Thị Nh có đến Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch Gò Quao vay số tiền là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số ST1599/HĐTD ký ngày 21/6/2011; Mục đích: sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi; Thời hạn vay 12 tháng, ngày đến hạn là 24/6/2012; Lãi suất trong hạn: 2% tháng. Kể từ tháng thứ 4 trở đi, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm Việt Nam đồng kỳ hạn 13 tháng, lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng độ 0,9%/tháng; Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Hình thức thanh toán: Lãi vay được trả 06tháng/lần; Vốn vay được trả vào ngày đến hạn của hợp đồng.

Đồng thời, ông Lê Hồng T và bà Mai Thị Nh có làm hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng và tài sản khác gắn liền với đất số ST 1599/HĐTC ngày 21/6/2011 là 01 giấy CNQSD đất số C 848042, tờ bản đồ số 6, thửa số 161 và 171, tổng diện tích là 15.570m², do UBND huyện G cấp ngày 28/4/1994, tọa lạc tại ấp 9, xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang do ông T (T1) đứng tên trên giấy. Từ khi vay đến nay ông T và bà Nh có đóng lãi được 01 lần với số tiền là 19.980.447 đồng vào ngày 25/3/2013 thì ngưng đến nay cũng không trả gốc và lãi cho Ngân hàng. Hiện nay hồ sơ vay đã quá hạn trên 10 năm.

Nguyên vọng: Ngân hàng TMCP K - phòng giao dịch G yêu cầu ông Lê Hồng T và bà Mai Thị Nh phải thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 11/5/2021 là 294.100.139 đồng (trong đó: Nợ gốc 70.000.000đ, tiền lãi trong hạn 224.100.139đ) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số ST1599/HĐTD ngày 21/6/2011 cho đến ngày thanh toán dứt hết nợ. Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu ông T, bà Nh trả một lần là dứt nợ trên. Trường hợp phía ông T, bà Nh không trả được nợ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai đề ngày 21/9/2020 và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Hồng T trình bày: Tôi thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng là về ngày tháng năm vay, theo hợp đồng tín dụng vay, số tiền vay, lãi suất là đúng sự thật nên tôi không có ý kiến gì thêm. Đồng thời, vợ chồng tôi có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo 01 giấy CNQSD đất số C 848042, tờ bản đồ số 6, thửa số 161 và 171, tổng diện tích là 15.570m², do UBND huyện G cấp ngày 28/4/1994, tọa lạc tại ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh K do tôi đứng tên trên giấy.

Do gia đình khó khăn, chăn nuôi thất bại nên vợ chồng tôi không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng đúng hạn được nay đã quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần xuống gia đình vợ chồng tôi làm việc và vợ chồng tôi cũng cam kết trả nợ nhưng vẫn không có khả năng thực hiện được để kéo dài đến nay.

Nay, Ngân hàng khởi kiện vợ chồng tôi thì tôi thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc và lãi tạm tính đến ngày 11/5/2021 là 294.100.139 đồng (trong đó: Nợ gốc 70.000.000đ, tiền lãi trong hạn 224.100.139đ) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số ST1599/HĐTD ký ngày 21/6/2011 cho đến ngày thanh toán dứt hết nợ. Đồng thời, đất thế chấp vay tiền tại Ngân hàng thì vợ chồng tôi đang chuyển nhượng cho ông Lê Văn Gi là 5 công tầm 3 mét và cầm cố cho bà Lương Thị O 2 công tầm 3 mét nên vợ chồng tôi sẽ thương lượng với bà O, ông Gi. Đồng thời, tôi yêu cầu Ngân hàng cho tôi xin trả gốc và xin trả dần còn lãi suất yêu cầu Ngân hàng miễn cho vợ chồng tôi vì vốn gốc không có khả năng nên không có khả năng trả lãi. Trường hợp vợ chồng tôi không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng thì đồng ý giao tài sản mà vợ chồng tôi thế chấp để Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai đề ngày 21/9/2020 của bà Mai Thị Nh trình bày: Tôi thống nhất với ý kiến của ông T trên và không có ý kiến gì thêm.

Nay, Ngân hàng khởi kiện vợ chồng tôi thì vợ chồng tôi thừa nhận còn nợ ngân hàng số tiền vốn gốc và lãi tạm tính đến ngày 24/9/2020 là 278.203.722 đồng (trong đó: Nợ gốc 70.000.000đ, tiền lãi trong hạn 208. 203.722đ) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số ST1599/HĐTD ký ngày 21/6/2011 cho đến ngày thanh toán dứt hết nợ. Đồng thời, đất thế chấp vay tiền tại Ngân hàng thì vợ chồng tôi đang chuyển nhượng cho ông Lê Văn Gi là 5 công tầm 3 mét và cầm cố bà Lương Thị O 2 công tầm 3 mét nên vợ chồng tôi sẽ thương lượng với bà O, ông Gi và sẽ thanh toán hết số tiền vốn gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng với Ngân hàng. Trường hợp vợ chồng tôi không thương lượng được với ông Gi và bà O thì vợ chồng tôi đồng ý giao tài sản mà vợ chồng tôi thế chấp để Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị O trình bày: Tôi có cầm cố của ông T, bà Nh 02 công đất tầm 3 mét, nằm trong thửa 171, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh K, với giá là 20 chỉ vàng 24k loại 9999 và cầm cố vào năm 2008. Lúc tôi cầm cố là trước khi ông T, bà Nh thế chấp vay tiền ở Ngân hàng. Việc ông T, bà Nh vay tiền của Ngân hàng thì hai bên tính toán với nhau tôi không có liên quan. Nay, Ngân hàng khởi kiện ông T, bà Nh thì tôi sẽ thỏa thuận với ông T, bà Nh và tôi không yêu cầu khởi kiện trong vụ án này nếu có tranh chấp thì tôi sẽ làm thủ tục khởi kiện ông T, bà Nh thành vụ án khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Gi trình bày: Tôi có chuyển nhượng của ông T, bà Nh 5 công đất tầm 3 mét, nằm trong thửa 161, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh K, với giá là 53.000.000 đồng/1 công,

khi chuyển nhượng vào năm 2012. Lúc tôi chuyển nhượng thì ông T, bà Nh có nói cho tôi biết là giấy CNQSD đất đã thế chấp vay tiền ở Ngân hàng nên khi nào ông bà trả tiền cho Ngân hàng sẽ tách giấy cho tôi. Việc ông T, bà Nh vay tiền của Ngân hàng thì hai bên tự tính toán với nhau tôi không có liên quan. Nay, Ngân hàng khởi kiện ông T, bà Nh thì tôi sẽ thỏa thuận với ông T, bà Nh và tôi không yêu cầu khởi kiện trong vụ án này nếu có tranh chấp thì tôi sẽ làm thủ tục khởi kiện ông T, bà Nh thành vụ án khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định còn bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cũng còn một số vi phạm như: Vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nên đề nghị Tòa án khắc phục sau này.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Hồng T và bà Mai Thị Nh phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc và lãi tính đến ngày 11/5/2021 là 294.100.139 đồng (trong đó: Nợ gốc 70.000.000đ và lãi trong hạn 224.100.139đ) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số ST1599/HĐTD ký ngày 21/6/2011 cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Trường hợp, ông Lê Hồng T và bà Mai Thị Nh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với ông Lê Hồng T và bà Mai Thị Nh là tranh chấp về dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Mai Thị Nh là đồng bị đơn và ông Lê Văn Gi và bà Lương Thị O là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà Nh được tổng đạt hợp lệ vắng mặt mặt không lý do, ông Gi có đơn xin vắng mặt còn bà O ủy quyền cho bà Hưng nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Do đó, hai bên đương sự thừa nhận là ông Lê Hồng T và bà Mai Thị Nh có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long số tiền vốn gốc là 70.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay, phía bà Nh và ông T không thanh toán được vốn gốc nhưng có đóng lãi cho Ngân hàng vào ngày 25/3/2013 thì ngưng đến nay đã quá hạn mà chưa trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo qui định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, cần buộc bà Nh và ông T phải trả cho Ngân hàng số nợ trên là có căn cứ.

Theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng đến ngày xét xử là ngày 11/5/2021 thì ông T và bà Nh còn nợ tiền lãi là 224.100.139 đồng. Việc tính lãi của Ngân hàng là đúng thỏa thuận trong hợp đồng vay và phù hợp với qui định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc ông T, bà Nh phải trả cho Ngân hàng tổng vốn gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 11/5/2021 là 294.100.139đ (hai trăm chín mươi bốn triệu một trăm nghìn một trăm ba mươi chín đồng).

[3] Xét về hợp đồng tín dụng số ST1599/HĐTD ký ngày 21/6/2011 giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng ông T và bà Nh không thực hiện đúng cam kết nên hợp đồng vay cho đến nay bên vay là ông T và bà Nh đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông T và bà Nh phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho ngân hàng là phù hợp.

4] Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ST 1599/HĐTC ngày 21/6/2011 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với ông Lê Hồng T và bà Mai Thị Nh có nêu rõ các điều khoản thi hành và được công chứng chứng thực đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 01 giấy CNQSD đất số C 848042, tờ bản đồ số 6, thửa số 161 và 171, tổng diện tích là 15.570m², do UBND huyện Gò Quao cấp ngày 28/4/1994, tọa lạc tại ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh K do ông T (T1) đứng tên trên giấy. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ là có căn cứ và đúng theo quy tại khoản 7 Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu ông T, bà Nh tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết và phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016Al của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn Gi và bà Lương Thị O thì HĐXX thấy rằng: Ông Gi có chuyển nhượng diện tích đất là 05 công tằm 3 mét của ông T, bà Nh với giá là 53.000.000 đồng/1 công và bà Oanh có cầm cố diện tích đất là 02 công tằm 3 mét của ông T, bà Nh với giá 20 chỉ vàng 24k loại 9999 là đúng sự thật. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án yêu cầu ông Gi, bà O làm các thủ tục yêu cầu độc lập nhưng ông, bà không có yêu cầu. Mặt khác, Tòa án đã thông báo cho ông Gi, bà O yêu cầu ông, bà làm đơn yêu cầu độc lập nhưng đến nay ông Gi, bà O cũng không thực hiện. Hơn nữa, ông Gi, bà O không có tranh chấp và không có yêu cầu khởi kiện trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do đó, ông Lê Văn Gi và bà Lương Thị O có quyền khởi kiện ông Lê Hồng T và bà Mai Thị Nh bằng một vụ kiện dân sự khác khi có phát sinh tranh chấp.

[6] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần K, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bà O và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Lê Hồng T và bà Mai Thị Nh phải trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông T và bà Nh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, buộc ông T, bà Nh phải trả cho Ngân hàng tổng vốn gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 11/5/2021 là 294.100.139đ (hai trăm chín mươi bốn triệu một trăm nghìn một trăm ba mươi chín đồng).

[7] Về án phí DSST có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của ngân hàng được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch G đã nộp là 6.000.000đ (sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0005057 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh K.

Ông Lê Hồng T và bà Mai Thị Nh phải nộp án phí là: $294.100.139đ \times 5\% = 14.705.007$ đồng làm tròn là 14.705.000đ (mười bốn triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, 323, 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với ông Lê Hồng T và bà Mai Thị Nh.

Buộc ông Lê Hồng T và bà Mai Thị Nh phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền là 294.100.139đ (hai trăm chín mươi bốn triệu một trăm nghìn một trăm ba mươi chín đồng) (trong đó: Nợ gốc 70.000.000đ và lãi trong hạn 224.100.139đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Lê Hồng T và bà Mai Thị Nh còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số ST1599/HĐTD ký ngày 21/6/2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số ST1599/HĐTD ký ngày 21/6/2011, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Lê Hồng T và bà Mai Thị Nh phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Lê Hồng T và bà Mai Thị Nh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K thì Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh K xử lý tài sản thế chấp là đất và quyền sử dụng đất theo 01 giấy CNQSD đất số C 848042, tờ bản đồ số 6, thửa số 161 và 171, tổng diện tích là 15.570m², do UBND huyện G cấp ngày 28/4/1994, tọa lạc tại ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh K do ông T, bà Nh đứng tên trên giấy để thu hồi nợ.

Khi ông Lê Hồng T và bà Mai Thị Nh trả hết số nợ đã vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng thương mại cổ phần K thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có nghĩa vụ trả lại 01 giấy CNQSD đất số C 848042, tờ bản đồ số 6, thửa số 161 và 171, tổng diện tích là 15.570m², do UBND huyện G cấp ngày 28/4/1994, tọa lạc tại ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh K cho ông Lê Hồng T và bà Mai Thị Nh.

2. Án phí DSST là: 14.705.000đ (mười bốn triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng), buộc ông Lê Hồng T và bà Mai Thị Nh phải nộp.

Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch G được nhận lại số tiền là 6.000.000đ (sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0005057 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh K.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 11/5/2021.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Thanh